TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2017
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Thanh Tuấn.**

2. Bà **Lê Ái Nguyên.**

Thư ký Tòa án: Ông **Ngô Văn Trường -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 124/2017/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017, về việc: "*Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Cao Tr.N** - sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Chị **Ngô Th.D** - sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Anh Cao Tr.N có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Chị Ngô Th.D vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2017 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Nh trình bày và yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nh và chị D sống chung như vợ chồng năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú Tây vào ngày 18 tháng 02 năm 2013. Do chị D thường xuyên bỏ nhà đi, không biết đi đâu, anh Nh đã nhiều lần khuyên nhũ nhưng chị D vẫn bỏ nhà đi, lần cuối cùng chị D bỏ nhà đi là vào tết nguyên đán năm 2017 cho đến nay không về, không biết đi đâu. Nay Anh Nh không còn tình cảm với chị D nên yêu cầu được ly hôn chị D

- Về con: Trong thời gian chung sống anh Nh và chị D có được một con chung là Cao Ch.H, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2011, cháu H đang sống chung anh Nh, anh Nh đồng ý tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ: Anh Nh xác định anh Nh và chị D không có tài sản chung và không có nợ chung, nên anh Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Chị D đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng vắng mặt và cũng không có nộp cho Tòa án văn nêu ý kiến của chị D đối với yêu cầu của anh Nh.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15 và 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình anh Nh được ly hôn chị D.

+ Về con chung: Giao cháu Cao Ch.H sinh ngày 24/10/2011 cho anh Nh nuôi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, không đặt ra xem xét giải quyết.

**** Các tình tiết của vụ án:***

- Anh Nh và chị D sống chung như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

- Anh Nh và chị D có một con chung là Cao Ch.H, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2011, cháu H đang sống chung anh Nh.

- Chị D vắng mặt tại địa phương.

- Anh Nh và chị D không có tài sản chung và không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Anh Nh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do anh Nh có đơn yêu cầu được vắng mặt và chị D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nh và chị D trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu của anh Nh về hôn nhân: Anh Nh và chị D tự nguyện sống chung như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 18 tháng 02 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, đây là hôn nhân hợp pháp. Do trong thời gian chung sống anh Nh và chị D, chị D thường xuyên bỏ nhà đi không rõ nguyên nhân, cuộc sống hôn nhân đã không còn hạnh phúc, hiện tại anh Nh đã không còn tình cảm với chị D, nên anh Nh yêu cầu được ly hôn chị D.

Ngay sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tiến hành tống đạt thông báo thụ lý về việc anh Nh có yêu cầu ly hôn với chị D. Đồng thời, chị D đã được Tòa án triệu tập làm việc và hòa giải 02 lần, triệu tập hợp lệ xét xử 02 lần nhưng chị D không đến theo giấy triệu tập của Tòa án; Điều này chứng tỏ chị D đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Nh, không mong muốn tiếp tục hôn nhân với anh Nh. Bên cạnh đó, qua trình bày của anh Nh về cuộc sống hàng ngày giữa chị D và anh Nh, về việc chị D bỏ nhà và địa phương đi không xác định được nơi ở hiện nay và về việc anh Nh không còn tình cảm với chị D. Từ đó, Hội đồng xét xử cũng có đủ cơ sở xác định đời sống chung của chị D và anh Nh không hạnh phúc, hôn nhân đang trong tình trạng trầm trọng, không thể tiếp tục đời sống chung, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh Nh được ly hôn chị D.

[4] Xét về con chung: Anh Nh và chị D có được một con chung là Cao Ch.H, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2011, cháu H đang sống chung anh Nh, anh Nh đồng ý tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu H đang sống chung anh Nh, có cuộc sống ổn định với anh Nh, chị D cũng không tranh chấp nuôi con chung với anh Nh. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu H cho anh Nh tiếp tục nuôi. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Anh Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Do anh Nh xác định chị D và

anh Nh không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí trong vụ án: Anh Nh phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị D không phải chịu án phí.

[7] Về chi phí tố tụng: Anh Nh tự nguyên chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8; 9; 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Cao Tr.N và chị Ngô Th.D.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Cao Ch.H, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2011 cho anh Nh tiếp tục nuôi. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Anh Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3 Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Do anh Nh xác định anh và chị D không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc anh Nh phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Anh Nh đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009881 ngày 14 tháng 6 năm 2017, được chuyển thu án phí 300.000đ. Chị D không phải chịu án phí.

5. Về chi phí tố tụng: Anh Nh tự nguyện chịu. Anh Nh đã nộp số tiền 3.000.000đ, chi thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hết số tiền 2.905.000đ, anh Nh đã nhận lại số tiền 95.000đ.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang